

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023”

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 1**

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: ThS VŨ QUỐC CHÍNH

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Hà Nội, ngày 11 tháng 2 năm 2023

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2023

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 1**

CƠ QUAN THỰC HIỆN
CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS Vũ Quốc Chính

Thông tin chung

Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023” do Tổng cục Thủy lợi quản lý, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn giao Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam thực hiện năm 2023. Các nội dung chính nhiệm vụ thực hiện trong năm 2023 gồm: (i) Lấy mẫu quan trắc chất lượng nước 9 đợt tại 15 vị trí vào các tháng 2, 3, 4, 7 (2 đợt/ tháng) và 8 (1 đợt); (ii) Dự báo chất lượng nước theo tuần tại các vị trí lấy mẫu quan trắc theo các chỉ tiêu DO, BOD₅ và NH₄⁺. Kết quả quan trắc và dự báo được xây dựng thành các bản tin, đưa lên websites của Tổng cục Thủy lợi tại địa chỉ <https://chatluongnuoc.tongcucthuyloi.gov.vn> và gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả quan trắc hiện trường đợt 1 lấy mẫu ngày 10/2/2023. Nội dung gồm: Tình trạng đóng mở cống, chế độ dòng chảy, tình trạng chất thải, màu, mùi; kết quả đo các chỉ tiêu ngoài hiện trường (nhiệt độ, pH, DO) và những khuyến cáo chất lượng nước phục vụ SXNN.

Hà Nội, ngày 11 tháng 2 năm 2023

BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG MẪU CỔ ĐỊNH ĐỢT 1

1. Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

2. Ngày quan trắc: 10/2/2023

Ngày cung cấp TT: 11/2/2023

3. Tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu:

- Mẫu lấy ngày 10/2/2023 vào giai đoạn lấy nước đở ải, cấy lúa vụ Chiêm Xuân và tưới nước cho hoa màu (21/1 – 28/2). Thời điểm lấy mẫu đã kết thúc các đợt hồ thủy điện xả nước phục vụ cho công tác đở ải và cấy lúa Chiêm Xuân được 2 ngày (Đợt 1, trong 4 ngày từ 0h ngày 6/1 đến 24h ngày 9/1/2023; Đợt 2, trong 8 ngày từ 0h ngày 1/2 đến 24h ngày 8/2/2023). Tính đến ngày 7/2/2023, tổng diện tích có nước trong hệ thống là 68.286 ha đạt 94,8%. Trong đó: Bắc Ninh 12.372 ha đạt 100%, Hải Dương 34.078 ha đạt 98,7%, Hưng Yên 21.836 ha đạt 86,9%. Trên đồng ruộng, người dân đang hoàn thành cấy nốt trà lúa muộn. Thời điểm này Công ty KTCTTL Bắc Hưng Hải điều hành quy trình vận hành hệ thống như sau: Xuân Quan trữ nước hạ lưu; Báo Đáp, Kênh Cầu, Lục Điền mở thông; Neo, Bá Thủy trữ nước thượng lưu; Cầu Xe, An Thổ; Cầu Cát lấy nước ngược và phục vụ giao thông thủy.

- Tại thời điểm lấy mẫu, tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu như sau: Cổng Xuân Quan, Bá Thủy, An Thổ, Neo và Âu Cầu Cát đóng; Kênh Cầu, Lục Điền mở thông. Các cống tiêu Xuân Thụy – đang thi công XD cống mới, nước chảy tự do qua cống nấn dòng; Ngọc Lâm – đang bao bờ thi công xây dựng cống mới, tiêu nước qua TB khi có nhu cầu; Ngọc Đà, Bình Lâu mở thông, Phân Hà đóng kín.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 (Có danh sách kèm theo)

5. Đơn vị thực hiện: Viện Nước, Tưới tiêu và MT

Người cung cấp thông tin: ThS Vũ Quốc Chính- Chủ nhiệm nhiệm vụ

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi và các đơn vị khai thác CTTL trong vùng:

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 1 (So sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A₁ và B₁)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
1	BHH 1	Cổng Xuân Quan	- Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống BHH - Nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi nước ô nhiễm từ	- Cống đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mức nước TL = 88cm; HL = 106cm; - Nước có màu xanh nhạt,	21,7	6,85	5,1	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy, trữ nước vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			công Xuân Thụy	không mùi, không rác thải.				sinh học thả bèo.
2	BHH2	Công Xuân Thụy	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Cầu Báy trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp quận Long Biên và Gia Lâm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đang thi công cống, Nước chảy tự do qua cống nắn dòng, dòng chảy yếu. Mức nước TL = 178 cm; HL = 176 cm; - Nước có màu đen, mùi hôi thối, không có rác thải. 	21,7	6,83	1,2	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 2 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Khuyến cáo: Người dân hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS. Tăng cường lấy nước qua các trạm bơm lấy nước từ sông Kim Sơn. Không nên mở cống Xuân Thụy vào thời điểm lấy nước phục vụ sản xuất.
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Đình Dù cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Lâm (Hưng Yên) và huyện Thuận Thành (Bắc Ninh) qua TB Như Quỳnh - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực TT Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, Như Quỳnh B và Tân Quang 	<ul style="list-style-type: none"> - Dòng chảy yếu theo hướng từ TB như Quỳnh về cầu Tăng Bảo để ra sông Kim Sơn. - Nước xám đen, mùi hôi hôi, nhiều rác thải nổi trên sông. 	22,6	6,81	2,6	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 3 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Khuyến cáo: Người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước cho NTTS.
4	BHH4	Cống kênh Cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Giang và hạ lưu phía Bắc hệ thống. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của các nguồn thải khu vực Gia Lâm, Long Biên xả qua cống Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ sông Đình Dù ra sông Kim Sơn tại cầu Tăng Bảo 	<ul style="list-style-type: none"> - Cống mở thông, mặt nước tĩnh không có dòng. Mức nước TL= HL =174 cm; - Nước màu xám đen, không mùi, nhiều rác thải và có cá ngơ nổi. 	21,4	6,81	3,9	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
5	BHH5	Cống	- Kiểm tra nước kênh Kiên	- Cống mở thông 2 cửa,	21,8	6,78	1,5	- DO < 2 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
		Ngọc Đà	Thành tiêu ra sông Đình Dù. - Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang, Như Quỳnh A, Phú Thụy, Trâu Quỳ.	dòng chảy trung bình. - Nước trên kênh có màu đen, mùi hôi thối, không rác thải. Hạ lưu sau cống, nước có màu đen đục, mùi hôi, nổi nhiều bọt trắng.				có thể bị chết. - Khuyến cáo cho người dân hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS; - Không nên mở cống Ngọc Đà ra sông Đình Dù vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN
6	BHH6	Cống Ngọc Lâm	- Kiểm tra nước sông Cầu Lường trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lường ở xã Ngọc Lâm, Xuân Dục, Bạch Sam (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên).	- Đang bao kè thi công xây dựng cống mới, không có nước chảy ra sông ngoài. Mặt nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	21,3	6,81	3,6	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
7	BHH7	Cống Phan Hà	- Kiểm tra nước kênh Trần Thành Ngọ trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố Nối, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5, làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi của xã Dị Sử (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên).	- Cống đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu xám đục, mùi hơi hôi, nhiều rác thải trước cống.	22,1	6,82	2,6	- DO < 3 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Khuyến cáo: Người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước cho NTTS.
8	BHH8	Cống Bá Thủy	- Nước sông Kim Sơn chảy vào sông Đình Đào, cấp nước tưới cho huyện Bình Giang, Thanh Miện, Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	- Cống đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= 170 cm; HL= 139 cm. - Nước màu xanh nhạt,	20,9	6,80	4,8	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			- Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.	không có mùi lạ. Có bèo tây và rác thải trên sông, nhưng không nhiều.				sinh học thả bèo.
9	BHH9	Cổng Bình Lâu	Tiêu nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.	- Cống mở, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu đen, mùi hôi thối, không có rác thải	21,8	6,78	1,7	- DO < 2mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Không nên mở cống Bình Lâu ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN;
10	BHH10	Cổng Cầu Cát	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực TP Hải Dương, huyện Tứ Kỳ và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước tiêu TP Hải Dương.	- Cống đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= 174, HL= 115 cm. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải.	21,5	6,81	4,3	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.
11	BHH11	Cổng An Thổ	Kiểm tra nước sông An Thổ cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du Ninh Giang, và nước tiêu hệ thống ra sông Luộc.	- Cống đóng chờ triều lấy nước ngược, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= 97 cm; HL= 94 cm - Nước màu nâu nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	20,7	6,85	5,7	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.
12	BHH12	Cổng Cầu Xe	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du huyện Ninh Giang và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.	- Cống mở gạt tháo 1 chân triều sau đó lấy nước ngược, dòng chảy yếu. Mục nước TL= 100cm; HL= 98cm - Nước màu nâu nhạt,	21,4	6,85	5,9	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH	DO (mg/l)	
				không có mùi lạ, không rác thải.				sinh học thả bèo.
13	BHH13	Cống Lục Điền	Kiểm tra nước sông Kim Sơn chảy vào sông Điện Biên	- Cổng mở thông, dòng chảy yếu ra sông Kim Sơn. Mục nước TL= 176 cm; HL = 177cm. - Nước màu xanh lơ, không có mùi lạ, không có rác thải.	21,5	6,86	3,2	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
14	BHH14	Cống Bằng Ngang	- Kiểm tra nước sông Điện Biên cấp cho SXNN và NTTS các xã phía Bắc huyện Kim Động, phía nam huyện Khoái Châu. - Nguồn nước bị ảnh hưởng nước thải sinh hoạt dân cư và nước tiêu SXNN.	- Mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước màu xanh lơ, không có mùi lạ, nhiều rác thải và có cá ngơ nổi.	21,7	6,85	3,1	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
15	BHH15	Cống Neó	- Kiểm tra nước sông Cửu An trước khi chảy vào địa giới tỉnh Hải Dương. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước tiêu tỉnh Hưng Yên.	- Cổng đóng kín trữ nước thượng lưu, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= 173cm; HL= 108cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải.	20,9	6,84	4,1	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo trước khi cấp cho ao nuôi.
QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1				-	-	6,0-8,5	≥6	-
QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1				-	-	5,5-9,0	≥4	-

Ghi chú: QCVN08-MT:2015/BTNMT cột A1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột A1 - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1 và B2.
- Cột B1- Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2;